



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 11

Số 41 (15/11/2006)

MỤC LỤC

| Ngày ban hành | Trích yếu nội dung | Trang |
|----------------------------------|--|-------|
| ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ | | |
| 25-10-2006 | - Quyết định số 154/2006/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh. | 3 |
| 26-10-2006 | - Quyết định số 155/2006/QĐ-UBND về thu hồi, chuyển giao quyền tổ chức thu, nộp phí giao thông một chiều qua cầu Bình Triệu 2 cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh. | 14 |
| 27-10-2006 | - Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND về thành lập Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố. | 17 |
| 27-10-2006 | - Quyết định số 157/2006/QĐ-UBND về điều chỉnh mức phụ cấp đối với khu phố, ấp. | 30 |

- 27-10-2006 - Chỉ thị số 34/2006/CT-UBND về tổ chức thực hiện công tác giám sát đầu tư của cộng đồng theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ. 32
- 06-11-2006 - Chỉ thị số 35/2006/CT-UBND về xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010. 37
- 08-11-2006 - Quyết định số 02/QĐĐC-CB đính chính phần Mục lục cuốn Công báo số 40 xuất bản ngày 31 tháng 10 năm 2006 41

SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI VÀ SỞ TÀI CHÍNH

- 30-10-2006 - Hướng dẫn số 6266/LS-LĐTĐBXH-TC về quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn (Theo Thông tư liên tịch số 06/2006/TTLT-BTC-BLĐTBXH). 42

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- 26-10-2006 - Quyết định số 60/2006/QĐ-UBND ban hành Quy định chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân huyện. 45

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

- 31-10-2006 - Nghị quyết số 48/2006/NQ-HĐND về nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan Tư pháp. 57
- 31-10-2006 - Nghị quyết số 49/2006/NQ-HĐND về thông qua kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2006 - 2010. 59

THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 154/2006/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2006***QUYẾT ĐỊNH****Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 115/2003/TTLT-BTC-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài chính thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ Quyết định số 242/2003/QĐ-UB ngày 04 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về đổi tên Sở Tài chính - Vật giá thành phố thành Sở Tài chính trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 607/TTr-SNV ngày 09 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài chính thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 2872/1998/QĐ-UB ngày 01 tháng 6 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài chính - Vật giá thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 154/2006/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, tham mưu và giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài chính, ngân sách Nhà nước, thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách Nhà nước, các quỹ tài chính Nhà nước, đầu tư tài chính, tài chính doanh nghiệp, kế toán, kiểm toán độc lập, giá cả và hoạt động dịch vụ tài chính (sau đây gọi chung là lĩnh vực tài chính) tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Sở Tài chính thành phố có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động và mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

Trụ sở làm việc của Sở Tài chính đặt tại số 142 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Sở Tài chính chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tài chính.

**Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 3. Sở Tài chính thành phố có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các quyết định, chỉ thị và các văn bản về quản lý lĩnh vực tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật và phân cấp của Chính phủ.

2. Trình Ủy ban nhân dân thành phố chương trình, kế hoạch dài hạn, 5 năm và

hàng năm về tài chính ngân sách phù hợp với quy hoạch, kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, dự án, quy hoạch, kế hoạch về lĩnh vực tài chính; hướng dẫn các cơ quan thuộc thành phố, cơ quan tài chính cấp quận - huyện, phường - xã thống nhất tổ chức triển khai thực hiện pháp luật, chính sách chế độ và các quy định của Nhà nước về tài chính trên địa bàn; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài chính.

4. Trình Ủy ban nhân dân thành phố phương án phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách của địa phương; trình Ủy ban nhân dân thành phố đề trình Hội đồng nhân dân thành phố phê chuẩn định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương, quyết định một số chế độ thu phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật.

Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ công khai tài chính - ngân sách, chế độ quản lý tài chính, báo cáo kế toán theo quy định của pháp luật.

5. Trình Ủy ban nhân dân thành phố quy định nhiệm vụ và các biện pháp quản lý, điều hành ngân sách hàng năm của địa phương.

a) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi chung là cơ quan hành chính sự nghiệp) thuộc thành phố và cơ quan tài chính cấp quận - huyện, xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm theo quy định của pháp luật.

b) Thẩm định và chịu trách nhiệm về việc thẩm định dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị cấp thành phố và Ủy ban nhân dân cấp quận - huyện.

c) Lập dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, lập dự toán thu, chi ngân sách địa phương, lập phương án phân bổ ngân sách cấp thành phố, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

6. Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét đề trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết, đề xuất các phương án cân đối ngân sách và các biện pháp cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách, thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí.

Thẩm tra việc phân bổ dự toán ngân sách của các cơ quan cùng cấp cho các đơn vị trực thuộc.

7. Phối hợp với các cơ quan thu trong việc thực hiện công tác quản lý thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn.

8. Thẩm định quyết toán thu ngân sách Nhà nước phát sinh trên địa bàn quận -

huyện, quyết toán thu, chi ngân sách quận - huyện; thẩm định và thông báo quyết toán đối với các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác có sử dụng ngân sách thành phố và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định.

Tổng hợp tình hình thu, chi ngân sách Nhà nước, lập tổng quyết toán ngân sách hàng năm của địa phương để Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt, báo cáo Bộ Tài chính.

9. Quản lý các nguồn kinh phí ủy quyền của Trung ương, quản lý Quỹ dự trữ tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật.

10. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chi tiêu và sử dụng ngân sách ở các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách thành phố.

11. Yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm dừng thanh toán khi phát hiện chi vượt dự toán, sai chính sách, chế độ hoặc không chấp hành chế độ báo cáo, thống kê.

12. Tham gia với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan để tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố về chiến lược thu hút, huy động, sử dụng vốn đầu tư ngắn hạn, dài hạn trong và ngoài nước.

13. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan xây dựng dự toán và phương án phân bổ dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan bố trí các nguồn vốn khác có tính chất đầu tư xây dựng (nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng thuộc ngân sách Nhà nước) hàng năm, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

a) Tham gia chủ trương đầu tư, thẩm định tài chính các dự án đầu tư do thành phố quản lý; tham gia xét thầu đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố và các dự án khác trên địa bàn theo đề nghị của chủ đầu tư và được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phân bổ vốn đầu tư, danh mục dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách thành phố theo quy chế quản lý đầu tư, xây dựng kế hoạch điều chỉnh bổ sung, điều hòa vốn đầu tư thanh toán đối với các dự án đầu tư từ ngân sách địa phương.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh kế hoạch phân bổ vốn đầu tư trong trường hợp cần thiết.

14. Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra các chủ đầu tư thực hiện quyết toán vốn đầu tư theo đúng quy định của Nhà nước, giải quyết vướng mắc phát sinh trong quá trình lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư.

Hướng dẫn và kiểm tra việc thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với các dự án đầu tư đã được phân cấp theo quy định.

15. Thống nhất quản lý các khoản vay và viện trợ dành cho địa phương theo quy định của pháp luật. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố triển khai phát hành trái phiếu và các hình thức vay nợ khác của địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

16. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, quyết toán vốn đầu tư thuộc ngân sách địa phương của chủ đầu tư và cơ quan tài chính quận - huyện, phường - xã, tình hình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư của Kho bạc Nhà nước ở thành phố, quận - huyện.

17. Tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt (đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quyết toán vốn đầu tư). Thẩm tra, phê duyệt và chịu trách nhiệm về việc phê duyệt quyết toán các dự án đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản địa phương theo quy định.

Chủ trì tổ chức kiểm tra báo cáo quyết toán các dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách Nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định của pháp luật.

18. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, phân tích tình hình huy động và sử dụng vốn đầu tư, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư, chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư của địa phương, báo cáo Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

19. Kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, giúp Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, điều hành hoạt động các quỹ đầu tư phát triển của thành phố.

Kiểm tra, giám sát các quỹ của địa phương trong việc cho vay, hỗ trợ lãi suất đối với phần vốn từ nguồn ngân sách do Ủy ban nhân dân thành phố ủy thác.

20. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về tài chính doanh nghiệp.

a) Hướng dẫn thực hiện các chính sách, chế độ quản lý tài chính doanh nghiệp (doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp khác), chế độ quản lý, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

b) Kiểm tra việc thực hiện pháp luật về tài chính, kế toán tại các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

c) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý vốn và tài sản thuộc sở hữu Nhà

nước tại các doanh nghiệp do địa phương thành lập hoặc góp vốn theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp với Cục Thuế và các cơ quan có liên quan tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại doanh nghiệp do địa phương thành lập hoặc góp vốn, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

21. Hướng dẫn các cơ quan hành chính sự nghiệp thuộc địa phương thực hiện chế độ quản lý tài sản Nhà nước; đề xuất các biện pháp về tài chính để đảm bảo quản lý và sử dụng có hiệu quả tài nguyên, công sản tại địa phương.

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng cơ chế chính sách để triển khai cho các cơ quan Nhà nước ở địa phương thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, thu tiền sử dụng đất, thuê đất, góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất.

b) Tổ chức tiếp nhận, quản lý, trình Ủy ban nhân dân thành phố xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền đối với tài sản vô chủ, tài sản mới được tìm thấy, tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước, tài sản viện trợ không hoàn lại khi các dự án kết thúc chuyển giao theo quy định của pháp luật. Riêng tài sản tịch thu sung công quỹ Nhà nước do vi phạm hành chính thực hiện theo Điều 61 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

c) Kiểm tra, xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các vướng mắc về tài sản thuộc sở hữu Nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

d) Quản lý tài sản Nhà nước tại các tổ chức Hội, tổ chức bán công.

e) Tổ chức quản lý và khai thác tài sản Nhà nước chưa giao cho tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng; quản lý các nguồn tài chính phát sinh trong quá trình quản lý, khai thác, chuyển giao, xử lý tài sản Nhà nước.

22. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý công tác giá tại địa phương theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các chính sách, biện pháp của Nhà nước về giá. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phương án giá do các Sở, Ủy ban nhân dân quận - huyện hoặc doanh nghiệp Nhà nước xây dựng đối với giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ quan trọng, giá sản phẩm độc quyền, giá chuyển quyền sử dụng đất, giá đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

a) Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hiệp thương giá, kiểm soát giá độc quyền, chống bán phá giá, niêm yết giá theo quy định của pháp luật.

b) Thu thập thông tin, phân tích tình hình và sự biến động giá cả; báo cáo tình

hình giá cả thị trường và tình hình thực hiện công tác quản lý Nhà nước về giá tại địa phương theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan kiểm tra việc thực hiện pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn thành phố; xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của Nhà nước.

23. Hướng dẫn, quản lý và kiểm tra việc thực hiện các dịch vụ tài chính, kinh doanh xổ số kiến thiết và giải trí có đặt cược, vui chơi có thưởng theo quy định của pháp luật.

24. Chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý tài chính ở cấp quận - huyện và phường - xã.

25. Thanh tra, kiểm tra tài chính đối với các cơ quan hành chính sự nghiệp, tổ chức kinh tế, văn hóa - xã hội, doanh nghiệp Nhà nước theo thẩm quyền; thanh tra, kiểm tra đối với các cơ quan, tổ chức thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

a) Phối hợp với cơ quan Thanh tra Tài chính ở Trung ương thực hiện thanh kiểm tra tài chính đối với các cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp do Trung ương quản lý trên địa bàn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Xét, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về tài chính theo quy định của pháp luật.

26. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tài chính, kế toán ở địa phương; quản lý tài chính, tài sản và cán bộ, công chức của Sở theo quy định.

27. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 4. Sở Tài chính có Giám đốc và một số Phó Giám đốc. Giám đốc là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về toàn bộ các hoạt động của Sở Tài chính. Giám đốc Sở Tài chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Phó Giám đốc là người giúp việc Giám đốc Sở, phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về các nhiệm vụ công tác được giao. Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở. Các chức danh

khác của Sở Tài chính do Giám đốc Sở Tài chính quyết định.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Tài chính gồm

1. Tổ chức bộ máy của Sở Tài chính gồm một số phòng, ban chuyên môn. Số lượng các phòng, ban chuyên môn do Giám đốc Sở Tài chính thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Đơn vị trực thuộc Sở:

- Chi cục Tài chính doanh nghiệp.

3. Đơn vị sự nghiệp:

- Trung tâm Dịch vụ thẩm định giá và bán đấu giá tài sản.

4. Các doanh nghiệp được Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền Sở Tài chính làm cơ quan chủ quản:

- Công ty Xổ số kiến thiết.

- Công ty Kiểm toán và dịch vụ tin học.

Các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp thuộc Sở do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công và ủy quyền, Giám đốc Sở Tài chính sau khi trao đổi thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ thành phố, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bổ sung, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, thành lập mới hoặc giải thể các đơn vị trực thuộc Sở.

Nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ do Giám đốc Sở Tài chính quy định, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở.

5. Biên chế của Sở Tài chính do Ủy ban nhân dân thành phố giao chỉ tiêu hàng năm trong tổng chỉ tiêu biên chế hành chính sự nghiệp của thành phố.

Chương IV CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Đối với Bộ Tài chính

1. Sở Tài chính thực hiện đầy đủ sự chỉ đạo và hướng dẫn về nghiệp vụ chuyên môn của Bộ Tài chính.

2. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính các chủ trương lớn của Ủy ban nhân dân thành phố có liên quan đến nghiệp vụ quản lý ngành.

Trường hợp Bộ chưa nhất trí với chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc những chủ trương quyết định của Bộ không phù hợp tình hình của thành phố, thì Giám đốc Sở kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để Ủy ban nhân dân thành phố làm việc với Bộ Tài chính.

Điều 7. Đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố

1. Sở Tài chính có trách nhiệm báo cáo, trình bày hoặc cung cấp tài liệu cần thiết cho Hội đồng nhân dân thành phố; trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân sách, giá cả.

2. Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân thành phố, chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân thành phố; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Ủy ban nhân dân thành phố đối với hoạt động hành chính thuộc lĩnh vực tài chính - giá cả. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm báo cáo tình hình và kế hoạch tổ chức hoạt động của Sở cho Ủy ban nhân dân thành phố theo chế độ quy định; tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân thành phố triệu tập; tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố về các vấn đề có liên quan đến Sở Tài chính.

3. Giám đốc Sở phải thực hiện đúng chế độ báo cáo, xin chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn được giao. Các kiến nghị của Sở với Bộ Tài chính có liên quan đến các chủ trương, chính sách lớn của Ủy ban nhân dân thành phố thì Giám đốc Sở phải xin ý kiến Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phụ trách trước khi kiến nghị.

Điều 8. Đối với tổ chức Đảng, Đoàn thể và tổ chức quần chúng xã hội

1. Sở Tài chính thành phố chịu sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Thành ủy thông qua mối quan hệ trực tiếp với các Ban thuộc Thành ủy để tiếp nhận những định hướng, chỉ đạo của Thành ủy. Sở chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của cơ quan Đảng cấp trên và những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực tài chính.

2. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tạo điều kiện cho các đoàn thể và Hội tham gia ý kiến trong việc xây dựng chế độ chính sách có liên quan đến ngành.

Điều 9. Đối với các Sở, ngành thành phố

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định, Sở Tài

chính phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành liên quan, để thực hiện tốt các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

2. Được quyền yêu cầu các Sở, ngành, các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và các doanh nghiệp Nhà nước cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động ngành nhằm giúp cho Sở Tài chính theo dõi, quản lý Nhà nước về lĩnh vực tài chính theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 10. Đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện

1. Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các quận - huyện thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước chuyên ngành về tài chính, giá cả trên địa bàn quận - huyện.

2. Chỉ đạo hướng dẫn các Phòng Tài chính - Kế hoạch quận - huyện về chuyên môn, nghiệp vụ tài chính, ngân sách và giá cả.

3. Giám đốc Sở trực tiếp làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện hoặc ủy quyền cho Phó Giám đốc Sở làm việc và giải quyết những đề nghị của quận - huyện liên quan công việc thuộc ngành quản lý; nếu còn có ý kiến khác nhau, Giám đốc Sở báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xử lý.

4. Sở Tài chính được quyền yêu cầu các quận - huyện thực hiện các báo cáo định kỳ, cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực chuyên môn để thực hiện chức năng quản lý theo quy định của pháp luật.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Căn cứ nội dung Quy chế này, Giám đốc Sở Tài chính ban hành quy định chế độ làm việc của Sở, bố trí nhân sự cho các phòng để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 12. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, khi xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu thực tiễn của thành phố.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 155/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về thu hồi, chuyển giao quyền tổ chức thu, nộp phí giao thông một chiều
qua cầu Bình Triệu 2 cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật
thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002;

Căn cứ Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ;

Căn cứ Công văn số 1647/CP-CN ngày 04 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ cho phép chấm dứt hợp đồng dự án đầu tư B.O.T Cầu đường Bình Triệu 2;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2004/NQ-HĐ ngày 09 tháng 01 năm 2004 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp lần thứ 14 khóa VI từ ngày 06 đến ngày 09 tháng 01 năm 2004;

Căn cứ Hợp đồng đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T) Cầu đường Bình Triệu 2 ký kết ngày 25 tháng 11 năm 2001 giữa Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 (Bộ Giao thông Vận tải);

Căn cứ các Quyết định số 62/2006/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2006 và Quyết định số 69/2006/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức thu, nộp phí giao thông một chiều qua cầu Bình Triệu 2;

Xét đề nghị của Sở Giao thông - Công chính (Công văn số 2479/SGTCC-GT ngày 23 tháng 10 năm 2006 và Biên bản họp ngày 15 tháng 9 năm 2006),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi, chuyển giao quyền tổ chức thu phí một chiều qua cầu Bình Triệu 2 của Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh thực hiện từ 0 giờ 00 ngày 01 tháng 11 năm 2006.

Điều 2. Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm bàn giao - tiếp nhận quyền tổ chức thu, nộp phí và toàn bộ tài sản hiện có tại Trạm thu phí một chiều qua cầu Bình Triệu 2 theo quy định hiện hành của Nhà nước, dưới sự chứng kiến của Sở Tài chính và Sở Giao thông - Công chính thành phố, đảm bảo cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố tiếp nhận, duy trì và bắt đầu tổ chức thu, nộp phí đúng thời điểm quy định tại Điều 1.

Điều 3. Việc tổ chức thu, nộp phí của Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện dưới hình thức thu hộ cho ngân sách thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Tài chính và Tổ Đàm phán dự án của thành phố làm các thủ tục cần thiết về thanh toán chi phí đã đầu tư dự án B.O.T Cầu đường Bình Triệu 2 và các chi phí hỗ trợ liên quan khác cho Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 theo nội dung Biên bản chuyển giao dự án và quyền thu phí đã được ký kết ngày 15 tháng 9 năm 2006 giữa Tổ Đàm phán thành phố và Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5.

Điều 5. Giao Cục trưởng Cục Thuế thành phố hướng dẫn và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh in ấn, tổ chức thu, nộp phí đúng thời gian quy định.

Điều 6. Các quy định khác về tổ chức thu, nộp phí (đối tượng và mức thu, các đối tượng được miễn giảm thu, kê khai, hạch toán thu, nộp phí, quản lý và sử dụng phí thu được...) được giữ nguyên và thực hiện theo các Quyết định số 62/2006/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2006 và Quyết định số 69/2006/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 8. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở - ban - ngành thành phố, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Đua

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 156/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về thành lập Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất
bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 08 tháng 8 năm 1998 của Thành ủy về công tác quy hoạch, đền bù khi thu hồi đất và tái bố trí dân cư trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 57/2006/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đào tạo, giải quyết việc làm khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 5757/CV-LĐTĐBXH ngày 05 tháng 10 năm 2006 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 642/TTr-SNV ngày 19 tháng 10 năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức thu và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố (gọi tắt là Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở

Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận - huyện, các Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận - huyện và Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về mức thu và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm
cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư
trên địa bàn thành phố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ý nghĩa

Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố (gọi tắt là Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi) được thành lập để tạo khả năng thu hút nhiều nguồn tài chính của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước, nhằm mục đích hỗ trợ việc đào tạo nghề, học vấn và tạo việc làm cho người dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố, góp phần ổn định cuộc sống cho họ ở nơi định cư mới.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

1. Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố để hoạt động.

2. Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi, có Hội đồng quản lý Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về theo dõi việc thu, quản lý và sử dụng Quỹ đúng mục đích. Không được sử dụng Quỹ vào mục đích khác.

Điều 3. Phạm vi áp dụng và đối tượng được hỗ trợ của Quỹ

1. Quỹ được áp dụng cho các dự án đang triển khai công tác bồi thường (bồi thường dở dang) và các dự án đầu tư mới, không phân biệt loại dự án hoặc chủ đầu

tư dự án (nguồn vốn từ ngân sách, có nguồn gốc ngân sách hoặc nguồn vốn ngoài ngân sách).

2. Đối tượng được hỗ trợ của Quỹ là các hộ dân trong khu vực giải tỏa (bị thu hồi đất) để thực hiện quy hoạch, có nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp hợp pháp, hợp lệ bị thu hồi toàn bộ, có hộ khẩu thành phố, hoặc gốc thành phố, hoặc có đủ điều kiện nhập hộ khẩu thành phố theo quy định.

3. Đối với trường hợp chỉ bị thu hồi nhà ở, đất ở hoặc hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi trên 30% diện tích đất nông nghiệp thì tùy mức độ thiệt hại được xem xét giải quyết cụ thể từng trường hợp.

Điều 4. Nguồn vốn Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi, bao gồm

1. Ngân sách thành phố cấp một phần kinh phí ban đầu để thành lập Quỹ.

2. Khoản đóng góp của chủ đầu tư sử dụng đất thu hồi của người dân, được tính không quá 5% chi phí bồi thường, hỗ trợ của dự án (đối với các dự án mới chưa triển khai) và không quá 3% chi phí bồi thường, hỗ trợ của dự án (đối với các dự án đang bồi thường dở dang).

3. Sự đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân, kể cả của các tổ chức phi chính phủ.

4. Trong trường hợp Quỹ không đủ đáp ứng nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm, Quỹ có thể huy động từ các nguồn tín dụng khác để cho vay và được ngân sách Nhà nước thành phố cấp bù lãi suất.

Điều 5. Nội dung sử dụng Quỹ

1. Hoạt động hỗ trợ học văn hóa, đào tạo và giải quyết việc làm:

a) Chi hỗ trợ học văn hóa cho học sinh, sinh viên thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ không để bỏ học dở dang.

b) Chi đào tạo và đào tạo bổ sung cho người lao động thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ để chuyển đổi nghề nghiệp.

c) Chi cho công tác hướng nghiệp và bố trí việc làm cho người lao động thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ.

2. Hoạt động cho vay đối với các hộ thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ; vay vốn tự sản xuất làm ăn, tạo việc làm ổn định cuộc sống.

Chương II

HỖ TRỢ ĐÀO TẠO (KHÔNG HOÀN LẠI)

Điều 6. Đối tượng được hỗ trợ

1. Quỹ chi hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 của Quy định này, cụ thể:

a) Học sinh có nguyện vọng học hết chương trình phổ thông; sinh viên đang học tại các trường cao đẳng, đại học...

b) Người lao động trong độ tuổi (ưu tiên cho đối tượng dưới 35 tuổi) có nhu cầu học nghề để chuyển đổi ngành nghề phù hợp với điều kiện và môi trường sinh sống làm ăn mới.

2. Quỹ chi hỗ trợ gián tiếp cho đối tượng thông qua các hình thức:

a) Hỗ trợ các doanh nghiệp tự đào tạo và sử dụng lao động thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ dài hạn theo cam kết với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận - huyện.

b) Hỗ trợ các đơn vị chức năng của Nhà nước làm công tác hướng nghiệp, tư vấn học nghề và giới thiệu việc làm cho người lao động thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ.

Điều 7. Điều kiện được hỗ trợ

1. Các đối tượng được hỗ trợ khi có nhu cầu và chỉ được hỗ trợ một lần khi thực hiện dự án; trừ một số trường hợp đặc biệt theo yêu cầu của chính quyền địa phương.

2. Việc hỗ trợ học văn hóa cho học sinh phổ thông và sinh viên đang học trong thời gian không quá 3 năm kể từ khi thực hiện dự án.

3. Việc hỗ trợ dạy nghề theo các khóa đào tạo ngắn và trung hạn, kể cả trung cấp chuyên nghiệp; tập trung vào các khóa đào tạo từ 6 - 12 tháng tại các trung tâm, trường đào tạo nghề do thành phố chỉ định.

Điều 8. Mức hỗ trợ

1. Đối với học sinh phổ thông (từ lớp 1 đến lớp 12) đang đi học tại các trường công lập hoặc bán công trên địa bàn thành phố được hỗ trợ tiền học phí và tiền đóng cơ sở vật chất trường học, trong thời gian đi học không quá 3 năm.

2. Các đối tượng đang học cao đẳng, đại học theo các chương trình đào tạo trong nước và chương trình chính khóa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được hỗ trợ 50% học phí cho thời gian học còn lại nhưng không quá 3 năm và chỉ hỗ trợ cho một ngành học của bậc cao đẳng hoặc đại học đang học.

3. Đối với đối tượng học các khóa đào tạo nghề ngắn và trung hạn, hoặc trung học chuyên nghiệp được hỗ trợ học phí theo quy định của nhà trường và sinh hoạt phí hợp lý khác trong thời gian đi học, gồm:

a) Mức hỗ trợ đào tạo nghề tối đa không quá 3.000.000 đồng/suất/người đối với khóa đào tạo trung hạn và không quá 250.000 đồng/người/tháng đối với khóa đào tạo ngắn hạn.

b) Hỗ trợ tiền sinh hoạt phí với mức 200.000 đồng/người/tháng.

4. Chi phí cho công tác tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm theo quy định chung.

Điều 9. Phương thức hỗ trợ kinh phí được thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt từng dự án trên cơ sở quy định chung do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành, cụ thể:

1. Quỹ thực hiện chi trả cho các đơn vị của ngành giáo dục - đào tạo về tiền học phí và tiền đóng cơ sở vật chất của trường học theo danh sách học sinh, sinh viên đang học do Ủy ban nhân dân phường - xã nơi có đất bị thu hồi xác lập; có sự xác nhận của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện (đến bậc trung học phổ thông cơ sở) và Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố (trung học phổ thông) được Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt; riêng sinh viên có xác nhận của trường đại học hoặc cao đẳng theo từng trường hợp kèm theo danh sách chung. Quỹ thực hiện chi trả một lần vào đầu năm học cho cả năm học theo mức hỗ trợ quy định.

2. Quỹ thực hiện chi trả cho các đơn vị đào tạo nghề về các khoản học phí và chi phí đào tạo, dạy nghề một lần vào cuối khóa học, theo danh sách người dân trong độ tuổi lao động thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ được đào tạo nghề do Ủy ban nhân dân phường - xã lập; có xác nhận của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận - huyện được Ủy ban nhân dân quận - huyện duyệt gửi đào tạo nghề tại các đơn vị dạy nghề được chỉ định hoặc các Trung tâm dạy nghề quận - huyện; đồng thời, Quỹ thực hiện chi trực tiếp (thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận - huyện) cho đối tượng đi học nghề tiền sinh hoạt phí khi đi học tập, trên cơ sở xác nhận của đơn vị đào tạo theo từng tháng học.

3. Quỹ thực hiện chi hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp có tổ chức đào tạo tay nghề và có cam kết tuyển dụng lao động thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ dài hạn theo danh sách của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận - huyện lập và có xác nhận của doanh nghiệp nơi đối tượng lao động đang theo học nghề, được Ủy ban

nhân dân quận - huyện duyệt. Mức hỗ trợ không quá 500.000 đồng/người/tháng (tùy theo ngành nghề cụ thể) và thời gian hỗ trợ không quá 3 tháng.

4. Quỹ thực hiện chi hỗ trợ kinh phí cho các trung tâm có chức năng của Nhà nước tổ chức tư vấn hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ theo thực tế. Mức chi theo quy định hiện hành của ngành tài chính.

Chương III **CHO VAY VỐN GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM**

Điều 10. Đối tượng vay vốn của Quỹ được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 của Quy định này.

Điều 11. Điều kiện được vay vốn

Đối tượng vay vốn phải có sức lao động, có nhu cầu vay vốn sản xuất làm ăn và có dự án sử dụng vốn vay khả thi được Ủy ban nhân dân phường - xã xác nhận và cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cùng Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận - huyện thẩm định đề nghị cho vay.

Điều 12. Thủ tục vay vốn

Đối với dự án vay vốn theo hộ hoặc nhóm hộ: người vay vốn phải làm đơn tham gia dự án (theo mẫu) gửi chủ dự án; đơn tham gia dự án có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường - xã về đối tượng được hỗ trợ của Quỹ, hộ khẩu của đối tượng.

Điều 13. Mức vốn, thời hạn và lãi suất vay

1. Mức vốn vay:

a) Mỗi lao động được vay vốn không quá 10 triệu đồng; mỗi hộ không quá 30 triệu đồng.

b) Riêng trường hợp đối tượng vay vốn để đi xuất khẩu lao động thì được vay không quá 50 triệu đồng/hộ.

2. Thời hạn vay vốn: phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh của đối tượng vay vốn, cụ thể:

a) Các dự án vay ngắn hạn (dịch vụ, buôn bán): thời hạn tối đa không quá 24 tháng.

b) Các dự án vay trung hạn (chăn nuôi, trồng trọt): thời hạn vay vốn tối đa không quá 36 tháng.

c) Các trường hợp vay vốn đi xuất khẩu lao động: thời hạn cho vay tối đa 36 tháng.

3. Lãi suất cho vay ưu đãi là 2%/năm (0,17%/tháng; một tháng tính tròn 30 ngày).

Điều 14. Thu hồi vốn và xử lý rủi ro

1. Thu hồi vốn: thực hiện thu hồi vốn vay đúng thời hạn và kỳ hạn trả nợ đã ghi trong hợp đồng tín dụng với ngân hàng.

2. Nợ quá hạn và xử lý nợ quá hạn: được vận dụng thực hiện theo cơ chế của Quỹ quốc gia về việc làm nguồn địa phương.

3. Xử lý rủi ro: đối với các trường hợp dự án vay vốn bị thiệt hại toàn bộ hoặc phần lớn và thực sự không còn khả năng trả nợ do nguyên nhân bất khả kháng; người vay vốn bị chết hoặc mất tích nhưng không có người thừa kế hoặc người thừa kế không có khả năng trả nợ thay cho người vay, thì Ủy ban nhân dân phường - xã lập thủ tục đề nghị khoan nợ, xóa nợ và miễn giảm lãi để trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

Điều 15. Về quản lý và sử dụng lãi cho vay

1. Phải đảm bảo thu đúng, thu đủ lãi cho vay theo mức lãi suất và thời hạn vay.

2. Tiền lãi thu được dùng để chi cho hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chi bồi dưỡng cho cán bộ trực tiếp quản lý điều hành Quỹ từ thành phố đến phường - xã. Trong thời gian 02 năm đầu Quỹ chưa thu được lãi, ngân sách thành phố sẽ cấp bù theo dự toán kinh phí hoạt động hàng năm của Hội đồng quản lý Quỹ (dự toán kinh phí hoạt động này do Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hàng năm).

3. Riêng chi phí nghiệp vụ quản lý cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với nguồn Quỹ này được ngân sách thành phố cấp từ nguồn thành lập Quỹ. Trong thời gian 02 năm đầu mức chi tối đa không quá 3% tính trên tổng số dư nợ thực tế quản lý hàng năm của Quỹ. Kể từ năm thứ 3, mức chi tối đa không quá 3% tính trên tổng số vốn thu hồi thực tế hàng năm của Quỹ.

Chương IV

CHẾ ĐỘ SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Điều 16. Đối với hoạt động hỗ trợ đào tạo

1. Mở sổ sách kế toán theo dõi và quản lý kinh phí chi hỗ trợ đào tạo của Quỹ theo đúng quy định về chế độ quản lý tài chính hiện hành.

2. Ghi chép các khoản kinh phí cấp phát rõ ràng, đầy đủ, bảo đảm cập nhật kịp thời các hoạt động phát sinh và tổ chức việc lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo đúng chế độ quy định.

3. Ngành giáo dục - đào tạo và cơ sở dạy nghề nhận kinh phí hỗ trợ từ Quỹ có trách nhiệm lưu giữ chứng từ, tài liệu có liên quan đến việc sử dụng kinh phí, quyết toán theo quy định hiện hành; phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của Quỹ và của các cơ quan chức năng có liên quan.

4. Lập và gửi đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính và quyết toán thu chi đối với hoạt động hỗ trợ đào tạo của Quỹ hàng năm cho cơ quan quản lý cấp trên.

Điều 17. Đối với hoạt động cho vay giải quyết việc làm

1. Quỹ được ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh thành phố thực hiện cho vay, thu hồi nợ - lãi, được vận dụng theo cơ chế cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm.

2. Tổng hợp các trường hợp bị rủi ro để báo cáo và trình Ủy ban nhân dân thành phố xử lý.

3. Tổng hợp báo cáo định kỳ tháng, quý, 6 tháng và hàng năm về tình hình thực hiện cho vay vốn.

Điều 18. Phụ trách kế toán Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi do Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội bổ nhiệm; có nhiệm vụ giúp cho Hội đồng quản lý Quỹ tổ chức, chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán thống kê của Quỹ.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người bị thu hồi đất chịu sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản lý Quỹ của thành phố

1. Hội đồng quản lý Quỹ của thành phố, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: do Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố kiêm nhiệm.

b) Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng: do Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiêm nhiệm.

Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó Giám đốc Sở Tài chính.

c) Thành viên Hội đồng cố định: là đại diện lãnh đạo các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước thành phố, Thường trực Ban Chỉ đạo các dự án nâng cấp đô thị, Viện Kinh tế, Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh thành phố.

d) Thành viên Hội đồng được mời dự theo từng dự án: là đại diện Ủy ban nhân dân và Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng các quận - huyện.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có bộ phận thường trực để quản lý và điều hành công việc hàng ngày của Quỹ, gồm có: Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng và các thành viên là: Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh thành phố, Kho bạc Nhà nước thành phố và Ban Chỉ đạo các dự án nâng cấp đô thị thành phố.

3. Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản lý Quỹ, gồm một số cán bộ chuyên trách của Văn phòng Ban Chỉ đạo Xóa đói giảm nghèo và Việc làm thành phố; và cán bộ kiêm nhiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh thành phố, Kho bạc Nhà nước thành phố và Thường trực Ban Chỉ đạo các dự án nâng cấp đô thị thành phố.

4. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định ban hành về quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ và Bộ phận thường trực Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 20. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm

1. Mở tài khoản của Quỹ tại Kho bạc Nhà nước thành phố và Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh thành phố để tiếp nhận và quản lý sử dụng các nguồn kinh phí của Quỹ.

2. Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành liên quan hướng dẫn thực hiện cơ chế hỗ trợ đào tạo và vay vốn giải quyết việc làm của Quỹ.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính thành phố lập kế hoạch đào tạo nghề, giải quyết việc làm và nguồn vốn cấp mới của Quỹ, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định danh sách lao động được hỗ trợ đào tạo (đào tạo nghề, học văn hóa) theo đề nghị của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện thẩm định phê duyệt các dự án vay vốn.

6. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố kiểm tra, tổng hợp các trường hợp vay vốn bị rủi ro để báo cáo đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét xử lý.

7. Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố xem xét việc thu hồi vốn và sử dụng nguồn vốn.

Điều 21. Sở Tài chính thành phố chịu trách nhiệm

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch cấp kinh phí cho Quỹ từ nguồn ngân sách của thành phố.

2. Cấp kinh phí cho Quỹ theo đúng nội dung và kế hoạch do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

3. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn Quỹ của các đơn vị, hướng dẫn thanh quyết toán theo quy định.

4. Hướng dẫn các chủ đầu tư dự án đóng góp kinh phí để đưa vào Quỹ.

5. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố tổng hợp các trường hợp vay vốn bị rủi ro để báo cáo và trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét xử lý.

Điều 22. Kho bạc Nhà nước thành phố chịu trách nhiệm

1. Lập các thủ tục tiếp nhận các khoản đóng góp của chủ đầu tư sử dụng đất thu hồi của người dân và kinh phí cấp từ ngân sách của thành phố đưa vào tài khoản Quỹ để quản lý và sử dụng.

2. Chuyển kinh phí hỗ trợ đào tạo cho ngành giáo dục - đào tạo và các cơ sở dạy nghề và chuyển nguồn vốn thực hiện cho vay cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Thực hiện kiểm soát qua Kho bạc việc sử dụng kinh phí đối với các hoạt động hỗ trợ về văn hóa và dạy nghề của Quỹ theo đúng quy định.

Điều 23. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố chịu trách nhiệm

1. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính phân bổ chỉ tiêu kế hoạch nguồn vốn cho Quỹ, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, đánh giá tình hình và kết quả hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho đối tượng hỗ trợ từ hoạt động Quỹ.

Điều 24. Thường trực Ban Chỉ đạo nâng cấp đô thị thành phố

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, kiểm tra, tổng hợp danh sách các chủ đầu tư sử dụng đất thu hồi

đóng góp theo từng dự án cụ thể.

2. Khảo sát, tổng hợp nhu cầu cần hỗ trợ học văn hóa, đào tạo nghề và vay vốn giải quyết việc làm của người dân bị thu hồi đất.

Điều 25. Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố chịu trách nhiệm: Hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện, các trường trung học phổ thông thuộc Sở quản lý xác nhận danh sách học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ đang theo học ở các trường để làm thủ tục cho Quỹ chi trả về tiền học phí và tiền đóng cơ sở vật chất theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Quy định này.

Điều 26. Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh thành phố chịu trách nhiệm

1. Nhận ủy thác vốn của Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người bị thu hồi đất để thực hiện các thủ tục cho vay, giải ngân, thu hồi nợ, lãi theo quyết định phê duyệt cho vay của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Tham gia với Bộ phận thường trực Hội đồng quản lý Quỹ để xét, thẩm định và xét duyệt dự án cho vay vốn giải quyết việc làm cho đối tượng hỗ trợ của Quỹ.

3. Chỉ đạo các Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận - huyện thẩm định dự án vay vốn giải quyết việc làm để trình Hội đồng quản lý Quỹ thành phố xét duyệt; tổ chức giải ngân cho hộ vay khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và thu hồi nợ, lãi theo đúng quy định.

4. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính tổng hợp các trường hợp bị rủi ro để báo cáo và trình Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Giám sát tình hình thực hiện cho vay vốn, tổng hợp báo cáo định kỳ tháng, quý, 6 tháng và hàng năm về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 27. Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường - xã lập danh sách đối tượng thuộc diện được hưởng Quỹ hỗ trợ của địa phương; xây dựng dự án đào tạo, dự án vay vốn giải quyết việc làm khả thi, sử dụng vốn có hiệu quả và phê duyệt danh sách đối tượng được thụ hưởng.

2. Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận - huyện, Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và kết quả hỗ trợ từ nguồn Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm.

3. Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trung tâm dạy nghề, các doanh nghiệp đào tạo nghề và thu hút lao động thực hiện thanh quyết toán các khoản chi hỗ trợ đào tạo theo quy định.

Điều 28. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc phát sinh, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi có trách nhiệm đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh nội dung quy định cho phù hợp với tình hình thực tế./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 157/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về điều chỉnh mức phụ cấp đối với khu phố, ấp

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn; Thông tư số 03/2004/TT-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 114/2003/NĐ-CP của Chính phủ;

Thực hiện Nghị quyết số 54/2006/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố về tăng mức phụ cấp đối với khu phố, ấp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 628/TTr-SNV ngày 13 tháng 10 năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh mức phụ cấp đối với khu phố, ấp được quy định tại điểm 3.1 khoản 3 Điều 1 Quyết định số 339/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách và chế độ lương đối với cán bộ nghỉ hưu tham gia công tác giữ các chức danh chuyên trách ở phường - xã, thị trấn với nội dung như sau:

“Tăng mức phụ cấp đối với khu phố, ấp từ mức 1.500.000 đồng/tháng lên mức 2.000.000 đồng/tháng”;

Thời gian thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm 2006.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn triển khai thực hiện, đảm bảo việc phân bổ

mức phụ cấp trên phù hợp với tình hình hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể ở khu phố, ấp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ điểm 3.1 khoản 3 Điều 1 Quyết định số 339/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/2006/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2006

CHỈ THỊ

**Về tổ chức thực hiện công tác giám sát đầu tư của cộng đồng
theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005
của Thủ tướng Chính phủ**

Trong thời gian qua, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, việc người dân tham gia giám sát các dự án đầu tư đã có kết quả tốt, phát hiện được một số vụ việc làm sai quy định, gây lãng phí thất thoát vốn và tài sản của Nhà nước, xâm hại lợi ích của cộng đồng. Tuy nhiên, việc giám sát của cộng đồng còn tự phát, chủ đầu tư chưa nhận thức đầy đủ và chưa tạo điều kiện để nhân dân giám sát, các cơ quan Nhà nước chưa nhận thức hết tầm quan trọng của việc giám sát đầu tư của cộng đồng.

Để thực hiện Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng; Quyết định số 30/2006/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng; Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chương trình hành động của Thành ủy về chống tham nhũng, lãng phí. Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Giám đốc các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp thực hiện ngay một số việc sau:

1. Các sở - ngành thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn; các cá nhân, tổ chức, cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư; các chủ đầu tư, các nhà thầu tư vấn, nhà thầu giám sát, nhà thầu thi công, nhà thầu xây lắp, nhà thầu cung cấp thiết bị, vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu,... (sau đây gọi tắt là nhà thầu) tạo điều kiện cho cộng đồng thực hiện công tác giám sát đầu tư; đồng thời, có trách nhiệm tiếp nhận các yêu cầu, cung cấp thông tin, xem xét nội dung để trả lời, xử lý, có biện pháp khắc phục đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của Ban Giám sát đầu tư cộng đồng.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg trên địa bàn thành phố.

b) Là cơ quan đầu mối tiếp nhận các báo cáo tổng hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường - xã, thị trấn, của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; đồng thời theo dõi, kiểm tra kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

c) Có trách nhiệm trả lời các nội dung mà Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng yêu cầu đối với các dự án do thành phố quyết định đầu tư liên quan đến việc đánh giá sự phù hợp của Quyết định đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của thành phố với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành khi nhận được văn bản yêu cầu.

3. Trách nhiệm của Sở Quy hoạch - Kiến trúc:

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các sở - ngành có liên quan thực hiện và kiểm tra việc tổ chức thực hiện việc công khai quy hoạch theo quy định.

b) Có trách nhiệm trả lời các nội dung có liên quan đến quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp và các vấn đề có liên quan trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của Sở mà cộng đồng yêu cầu, kiến nghị.

4. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

Có trách nhiệm trả lời các nội dung có liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bảo vệ môi trường, xử lý chất thải và những vấn đề có liên quan trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của Sở mà cộng đồng yêu cầu, kiến nghị.

5. Trách nhiệm của Sở Xây dựng:

Phối hợp với các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện kiểm tra và đánh giá chất lượng công trình và các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực đầu tư xây dựng trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của Sở mà cộng đồng yêu cầu, kiến nghị.

6. Trách nhiệm của các sở - ngành quản lý dự án đầu tư:

a) Các sở - ngành được giao quản lý các dự án đầu tư chuyên ngành phải thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và tạo điều kiện để cộng đồng giám sát dự án đầu tư theo quy định.

b) Trả lời, giải trình, cung cấp các thông tin theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư khi nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận - huyện:

a) Thực hiện công khai hóa các thông tin về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng, quy hoạch chi tiết xây dựng các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp,...

b) Thực hiện công khai các dự án đầu tư trên địa bàn theo các nội dung được quy định tại Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật khi nhận được yêu cầu, kiến nghị bằng văn bản của cộng đồng; báo cáo cơ quan cấp trên những vấn đề vượt thẩm quyền.

d) Kiểm tra, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm quy định của pháp luật và Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng.

8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn:

a) Thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10 và 11 Chương II Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng.

b) Chủ động kiểm tra, phát hiện những vấn đề bất cập, những sai phạm trong quá trình triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn.

c) Chủ động phản ánh, làm việc với chủ đầu tư, nhà thầu và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện có hành vi vi phạm trong quản lý, thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn.

d) Ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền.

9. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

a) Công khai hóa thông tin về dự án đầu tư theo quy định và theo khoản 1 Điều 16 của Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng.

b) Trả lời, giải trình, cung cấp các thông tin theo quy định của pháp luật về các chương trình, dự án đầu tư có sử dụng vốn Nhà nước, không thuộc diện bí mật quốc gia có ảnh hưởng trực tiếp đến cộng đồng; các dự án đầu tư bằng nguồn vốn và công

sức của cộng đồng hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của tổ chức, cá nhân cho phường - xã, thị trấn; các dự án đầu tư bằng nguồn vốn khác khi cộng đồng có yêu cầu.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã cung cấp phục vụ cho việc giám sát đầu tư của cộng đồng.

d) Thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung và có các biện pháp khắc phục có hiệu lực các vi phạm quy chế, quy trình đầu tư xây dựng trong quá trình triển khai dự án mà Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có văn bản kiến nghị, yêu cầu.

e) Công khai địa chỉ, người chịu trách nhiệm và tạo mọi điều kiện thuận lợi để tiếp nhận thông tin, phản ánh của cộng đồng.

10. Trách nhiệm của Nhà thầu:

a) Trả lời, giải trình, cung cấp các thông tin theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư khi nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã cung cấp phục vụ cho việc giám sát đầu tư của cộng đồng.

c) Khắc phục ngay các hành vi vi phạm làm tổn hại đến lợi ích của cộng đồng hoặc vi phạm các quy định trong đầu tư xây dựng.

11. Chế độ thông tin, báo cáo:

a) Tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân nêu tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Chỉ thị này phải trả lời trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

b) Định kỳ (06 tháng và một năm), Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn lập báo cáo tổng hợp kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng, gửi báo cáo cho Hội đồng nhân dân cùng cấp và Sở Kế hoạch và Đầu tư. Thời hạn gửi báo cáo tổng hợp 06 tháng đầu năm vào tuần thứ hai của tháng 7; báo cáo tổng hợp một năm là tuần thứ hai của tháng 01 năm sau.

c) Định kỳ (06 tháng và một năm), Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, lập báo cáo kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng tại thành phố, gửi báo cáo cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Thời hạn gửi báo cáo tổng hợp 06 tháng đầu năm vào tuần thứ tư của tháng 7; báo cáo tổng hợp một năm là tuần thứ tư của tháng 01 năm sau.

12. Khen thưởng:

a) Các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng được các cấp có thẩm quyền tuyên dương, khen thưởng kịp thời theo quy định của pháp luật về khen thưởng.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức tổng kết công tác giám sát đầu tư của cộng đồng và đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố tuyên dương, khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân đã có những đóng góp tích cực và có hiệu quả trong hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng.

c) Các cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định tuyên dương, khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân trong hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng.

13. Xử lý vi phạm:

a) Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng quyền giám sát đầu tư của cộng đồng để làm những việc trái với quy định của pháp luật.

b) Các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về giám sát đầu tư của cộng đồng đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Các cá nhân, tổ chức có vi phạm trong hoạt động đầu tư xây dựng thì xử lý theo các quy định hiện hành.

14. Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi ý kiến phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2006/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2006

CHỈ THỊ

Về xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010

Trong những năm qua, các cấp, các ngành cùng với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã nỗ lực triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 17/2001/CT-UB ngày 02 tháng 7 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố về chấn chỉnh công tác tổ chức và quản lý trong lĩnh vực hoạt động dịch vụ văn hóa - xã hội và đẩy mạnh phòng, chống các tệ nạn xã hội, góp phần tích cực vào việc ngăn chặn, kéo giảm tệ nạn xã hội, từng bước đưa các hoạt động dịch vụ văn hóa đi dần vào nề nếp và tuân thủ đúng pháp luật, tạo nên các điểm sáng văn hóa trên địa bàn quận - huyện; đồng thời chấn chỉnh tình trạng quảng cáo ngoài trời mất trật tự, kém mỹ quan, không an toàn trên địa bàn, đưa hoạt động quảng cáo đi vào nề nếp, đúng theo định hướng của thành phố.

Tuy nhiên, những chuyển động đó chưa thật mạnh, vững chắc, đều khắp, vẫn cần phải được tiếp tục tập trung chỉ đạo chấn chỉnh, tạo điều kiện để xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đáp ứng yêu cầu vui chơi giải trí, hưởng thụ văn hóa ngày càng cao, phong phú của mọi tầng lớp nhân dân. Đồng thời để thực hiện nghiêm Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng karaoke, vũ trường; Nghị định số 11/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng; Thông tư số 54/2006/TT-BVHTT ngày 24 tháng 5 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn quy hoạch nhà hàng karaoke, vũ trường;

Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị Thủ trưởng các sở - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch và quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010 như sau:

1. Về định hướng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn quận - huyện giai đoạn 2006 - 2010:

a) Thực hiện quy hoạch đối với 05 ngành nghề: karaoke, vũ trường, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch;

b) Đối với các ngành nghề kinh doanh thương mại và dịch vụ trong lĩnh vực văn hóa - xã hội khác như: nhà hàng, quán cà phê nhạc, bi da máy lạnh, hớt tóc thanh nữ, trò chơi điện tử, dịch vụ Internet...; giao Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ vào tình hình đặc điểm của địa phương để có sự điều chỉnh cần thiết, phù hợp, tiến hành quy hoạch; và trên cơ sở làm việc thống nhất với các sở - ngành chức năng liên quan, trình Hội đồng nhân dân quận - huyện thông qua và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt;

c) Tạm thời chưa cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh các ngành nghề karaoke, vũ trường, quán bar; chưa cấp mới Giấy phép kinh doanh hoạt động karaoke, vũ trường; kể cả đối với các cơ sở đã có trong quy hoạch được phê duyệt giai đoạn 2004 - 2005 nhưng đến nay chưa được cấp đăng ký kinh doanh hoặc chưa được cấp phép hoạt động theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005;

d) Hạn chế cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề dịch vụ xoa bóp, chỉ cấp mới đối với các cơ sở y học cổ truyền có hoạt động xoa bóp, day ấn huyệt trong các bệnh viện, trung tâm y tế quận - huyện, các cơ sở lưu trú du lịch được công nhận xếp hạng sao;

e) Hạn chế cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch, chỉ cấp mới đối với các cơ sở lưu trú du lịch đạt tiêu chuẩn có sao;

g) Các cơ sở lưu trú du lịch đã được công nhận xếp hạng sao được kinh doanh các ngành nghề karaoke, vũ trường, quán bar, xoa bóp không cần phải có Giấy phép kinh doanh nhưng phải đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trước khi thực hiện và phải đảm bảo các điều kiện kinh doanh theo quy định. Trước mắt tạm thời chưa cho phép triển khai mới việc tổ chức hoạt động karaoke, vũ trường, quán bar tại các cơ sở lưu trú du lịch đã được công nhận xếp hạng sao theo nội dung chỉ đạo tại Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng karaoke, vũ trường.

2. Về định hướng quy hoạch cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn quận - huyện giai đoạn 2006 - 2010:

a) Xây dựng quy hoạch cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời theo hướng thống nhất các hình thức phương tiện quảng cáo về kiểu dáng, kích thước, chất liệu, loại hình; hiện đại hóa chất liệu, phương tiện cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời nhằm tăng cường mỹ quan đô thị;

b) Không cho phép quảng cáo thương mại ngoài trời (trừ biển hiệu) trên các tuyến đường Đồng Khởi, Nguyễn Huệ, Lê Duẩn (quận 1); không cho phép quảng cáo bằng băng rôn trên các tuyến đường thuộc địa bàn quận 1 và quận 3;

c) Không cho phép quảng cáo ngoài trời trên các dải phân cách đường phố gây che chắn tầm nhìn các phương tiện giao thông, hoặc vật liệu quảng cáo quá thô sơ, nội dung quảng cáo kém thẩm mỹ; hiện đại hóa về hình thức, kiểu dáng, chất liệu các panô quảng cáo tại khu vực cửa ngõ ra vào thành phố, nhất là trên tuyến xa lộ Hà Nội.

3. Về tổ chức thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân quận - huyện xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn giai đoạn 2006 - 2010 theo định hướng nêu trên; nội dung cần thể hiện rõ định hướng tổng quan quy hoạch giai đoạn 2006 - 2010, quy hoạch chi tiết giai đoạn 2006 - 2008 có kèm theo phụ lục danh sách các cơ sở được tiếp tục hoạt động, các cơ sở phải di dời và các cơ sở phải ngưng hoạt động. Dự thảo quy hoạch phải lấy ý kiến các sở - ngành chức năng liên quan trước khi thông qua Hội đồng nhân dân quận - huyện và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt trong tháng 12 năm 2006;

b) Ủy ban nhân dân quận - huyện xây dựng quy hoạch cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn giai đoạn 2006 - 2010 theo định hướng nêu trên; nội dung cần thể hiện rõ định hướng tổng quan quy hoạch giai đoạn 2006 - 2010, quy hoạch chi tiết giai đoạn 2006 - 2008 có kèm theo phụ lục gồm các phần: cổ động chính trị, quảng cáo ngoài trời bằng phương tiện băng rôn, panô, hộp đèn, màn hình điện tử và chất liệu khác. Dự thảo quy hoạch phải lấy ý kiến các sở - ngành chức năng liên quan trước khi thông qua Hội đồng nhân dân quận - huyện và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt trong tháng 12 năm 2006;

c) Giao các sở - ngành chức năng hướng dẫn thống nhất về tiêu chí quy hoạch, trách nhiệm thẩm định chính nội dung chuyên ngành đối với dự thảo quy hoạch do Ủy ban nhân dân quận - huyện trình trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố phê

duyet: Sở Văn hóa và Thông tin hướng dẫn đối với ngành nghề karaoke, vũ trường, cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời; Sở Y tế hướng dẫn đối với ngành nghề dịch vụ xoa bóp; Sở Thương mại hướng dẫn đối với ngành nghề quán bar; Sở Du lịch hướng dẫn đối với ngành nghề cơ sở lưu trú du lịch;

d) Giao Sở Văn hóa và Thông tin trong tháng 11 năm 2006 trình Ủy ban nhân dân thành phố nội dung sửa đổi, điều chỉnh các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về hoạt động quảng cáo, karaoke, vũ trường sau khi đã có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; xây dựng Đề án thực hiện quy hoạch cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định;

e) Giao Sở Y tế trong tháng 11 năm 2006 trình Ủy ban nhân dân thành phố nội dung sửa đổi, điều chỉnh Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về hoạt động dịch vụ xoa bóp sau khi đã có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp;

g) Giao Sở Thương mại phối hợp với Sở Tư pháp tiếp tục hoàn chỉnh nội dung quy định về quán bar, trình Ủy ban nhân dân thành phố trong tháng 11 năm 2006 để xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ;

h) Giao Sở Tài chính chủ trì cùng với Cục Thuế thành phố nghiên cứu cơ chế thu chi và mức thu phí sử dụng không gian thực hiện quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố, tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố trong tháng 11 năm 2006;

i) Giao Sở Giao thông - Công chính phối hợp với Sở Văn hóa và Thông tin nghiên cứu xây dựng Quy chế thực hiện các công trình giao thông công cộng kết hợp quảng cáo trình Ủy ban nhân dân thành phố trong tháng 12 năm 2006;

k) Giao Sở Văn hóa và Thông tin là đầu mối tổng hợp những vướng mắc trong quá trình xây dựng và triển khai quy hoạch, đề xuất tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp;

l) Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Tài

VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM CÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/QĐĐC-CB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH ĐÍNH CHÍNH

Phần Mục lục cuốn Công báo số 40 xuất bản ngày 31 tháng 10 năm 2006

Do sơ xuất trong khâu đánh máy, Trung tâm Công báo thành phố đính chính một số sai sót tại phần Mục lục cuốn Công báo số 40 xuất bản ngày 31 tháng 10 năm 2006 như sau:

Tại trang số 3 dòng thứ 2 và dòng thứ 4 từ trên xuống của Công báo số 40 xuất bản ngày 31 tháng 10 năm 2006:

Đã viết là: “Nghị quyết định số 104/2006/NQ-HĐND...”

Nghị quyết định số 105/2006/NQ-HĐND...”

Nay sửa lại là: “Nghị quyết số 104/2006/NQ-HĐND...”

Nghị quyết số 105/2006/NQ-HĐND...”

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Nga

SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI VÀ SỞ TÀI CHÍNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
LIÊN SỞ LAO ĐỘNG-TBXH
VÀ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2006

Số: 6266/LS-LĐT BXH-TC

HƯỚNG DẪN

**Về quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia
hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn**
(Theo Thông tư liên tịch số 06/2006/TTLT-BTC-BLĐTBXH)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân quận 9, quận 12, huyện Nhà Bè,
huyện Củ Chi, huyện Hóc Môn, huyện Cần Giờ,
huyện Bình Chánh

Căn cứ chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Văn bản số 7051/UBND-VX ngày 26 tháng 9 năm 2006 về tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn, Liên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn như sau:

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

Là lao động nông thôn trong độ tuổi lao động chưa qua đào tạo nghề, có nhu cầu học nghề, đủ điều kiện xét tuyển vào các khóa học nghề ngắn hạn và được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên quy định tại Phần I Thông tư liên tịch số 06/2006/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 19 tháng 01 năm 2006 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (gọi tắt là Thông tư 06).

2. Phương thức tổ chức lớp học:

Tổ chức lớp học riêng cho lao động nông thôn theo từng ngành nghề, từng khóa học với quy mô từ 25 - 30 học viên theo quy định tại điểm b mục 1 Phần II Thông tư 06.

Trường hợp lớp học không đủ sĩ số theo quy định, các cơ sở dạy nghề có thể tổ chức lớp học chung với các đối tượng khác.

3. Mức kinh phí hỗ trợ:

Ngân sách hỗ trợ kinh phí dạy nghề cho lao động nông thôn theo mức thu học phí từng khóa tại các cơ sở dạy nghề đã đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nhưng không vượt mức tối đa quy định tại mục 2 Phần III Thông tư 06.

Đối với trường hợp học viên bỏ học giữa chừng nhưng có thời gian học thực tế hơn 1/2 thời gian đào tạo của mỗi khóa học, ngân sách sẽ hỗ trợ 50% mức hỗ trợ của toàn khóa học/học viên.

4. Kế hoạch - Chương trình đào tạo:

Các cơ sở dạy nghề xây dựng kế hoạch - chương trình đào tạo của từng ngành nghề, từng khóa học phù hợp nhu cầu của người lao động và theo đúng quy định tại Quyết định số 212/2003/QĐ-BLĐTBXH ngày 27 tháng 02 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, được đăng ký tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

5. Hồ sơ thủ tục học nghề:

a) Quy trình xét duyệt hồ sơ học nghề: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận - huyện chịu trách nhiệm xét duyệt danh sách đối tượng tham gia học nghề, trên cơ sở tổng hợp danh sách của Ban Xóa đói giảm nghèo và Việc làm quận - huyện.

b) Ban Xóa đói giảm nghèo và Việc làm quận - huyện tổng hợp danh sách đối tượng có đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ học nghề trên cơ sở xác định của Ban Xóa đói giảm nghèo và Việc làm phường - xã kèm theo đơn xin học nghề của người lao động có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (theo mẫu số 2 kèm theo Thông tư 06).

c) Nếu cơ sở đào tạo là Trung tâm Dạy nghề quận - huyện: không cần ký hợp đồng giữa Trung tâm Dạy nghề và cơ quan Nhà nước, mà thực hiện theo cơ chế Ủy ban nhân dân quận - huyện giao chỉ tiêu và kinh phí đào tạo.

d) Nếu cơ sở đào tạo là cơ sở dạy nghề ngoài công lập: Ủy ban nhân dân quận - huyện có thể ủy nhiệm cho Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội ký hợp đồng đào tạo.

6. Phân bổ, cấp phát, quyết toán kinh phí:

a) Phân bổ kinh phí:

Hàng năm, trên cơ sở dự toán của các quận - huyện và mức hỗ trợ kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia dạy nghề của Trung ương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ động phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối mức phân bổ trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

b) Cấp phát kinh phí, quyết toán:

- Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về phân bổ kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, Sở Tài chính cấp phát kinh phí về ngân sách quận - huyện (kinh phí sự nghiệp chương trình mục tiêu).

- Căn cứ định mức chi (nêu tại Thông tư 06), nhiệm vụ, chỉ tiêu đào tạo do Ủy ban nhân dân quận - huyện giao cho Trung tâm Dạy nghề quận - huyện, hợp đồng giữa quận - huyện (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) và cơ sở dạy nghề ngoài công lập; Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt dự toán chi cho chương trình mục tiêu.

- Phòng Tài chính quận - huyện chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, quyết toán đối với các cơ sở dạy nghề theo đúng quy định.

7. Kiểm tra - Báo cáo:

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận - huyện có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đôn đốc các cơ sở dạy nghề thực hiện; tổng hợp báo cáo kết quả định kỳ 6 tháng với Ủy ban nhân dân quận - huyện và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

8. Thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn phân cấp về quận - huyện quản lý, thanh quyết toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2007.

Riêng năm 2006, nguồn kinh phí này vẫn tập trung về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và thanh quyết toán theo Quyết định giao chỉ tiêu số 101/2006/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố./.

**KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**KT. GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG-TB&XH
PHÓ GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC**

Ngô Kim Liên

Trần Trung Dũng

HUYỆN BÌNH CHÁNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 60/2006/QĐ-UBND

Bình Chánh, ngày 26 tháng 10 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan
hành chính thuộc Ủy ban nhân dân huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh về nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ở mỗi cấp ngày 25 tháng 6 năm 1996;

Căn cứ Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1216/2006/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về việc ban hành Chương trình cải cách hành chính năm 2006 huyện Bình Chánh;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các phòng ban quản lý Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các

tổ chức do Ủy ban nhân dân huyện thành lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Tường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2006/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này điều chỉnh việc tổ chức các cuộc họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan hành chính tại huyện Bình Chánh.
2. Phiên họp của Ủy ban nhân dân huyện; hội thảo, tọa đàm không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, xã - thị trấn, cơ quan, đơn vị và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện; các đơn vị, tổ chức do Ủy ban nhân dân huyện thành lập.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Họp là một hình thức của hoạt động quản lý Nhà nước, một cách thức giải quyết công việc, thông qua đó lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng cơ quan hành chính trực tiếp thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động trong việc giải quyết các công việc thuộc chức năng, thẩm quyền của cơ quan mình theo quy định của pháp luật.
2. Họp tham mưu, tư vấn là cuộc họp để lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện nghe các ý kiến đề xuất và kiến nghị của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp dưới, của các chuyên gia, nhà khoa học nhằm có đủ thông tin, có thêm các cơ sở, căn cứ trước khi ra quyết định theo chức năng, thẩm quyền.

3. Họp làm việc là cuộc họp của lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp dưới để giải quyết những công việc có tính chất quan trọng vượt quá thẩm quyền của cấp dưới hoặc để kiểm tra trực tiếp, tại chỗ tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác của cấp dưới.

4. Họp chuyên môn là cuộc họp để trao đổi, thảo luận những vấn đề thuộc về chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ nhằm thực hiện các kế hoạch hoặc xây dựng, hoàn thiện các dự án, đề án.

5. Họp giao ban là cuộc họp của lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện; của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hành chính để nắm tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác; trao đổi ý kiến và thực hiện chỉ đạo giải quyết các công việc thường xuyên.

6. Họp tập huấn, triển khai (Hội nghị tập huấn, triển khai) là cuộc họp để quán triệt, thống nhất nhận thức và hành động về nội dung và tinh thần các chủ trương, chính sách lớn, quan trọng của Đảng và Nhà nước về quản lý, điều hành hoạt động kinh tế - xã hội.

7. Họp tổng kết (Hội nghị tổng kết) hàng năm là cuộc họp để kiểm điểm, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác hàng năm và bàn phương hướng nhiệm vụ công tác cho năm tới của cơ quan, đơn vị hành chính Nhà nước.

8. Họp sơ kết hoặc tổng kết (Hội nghị sơ kết hoặc tổng kết) chuyên đề là cuộc họp để đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện một chủ trương, chính sách quan trọng.

9. Người chủ trì cuộc họp là người có thẩm quyền điều hành cuộc họp, đưa ra ý kiến kết luận cuộc họp.

10. Người tham dự cuộc họp là người được triệu tập, người được mời họp hoặc người đại diện cho cơ quan, đơn vị được mời họp hoặc người được ủy quyền đi dự cuộc họp.

Điều 4. Mục tiêu

Mục tiêu của Quy định này là nhằm giảm bớt số lượng, nâng cao chất lượng các cuộc họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc tổ chức các cuộc họp, góp phần tích cực tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả sự chỉ đạo, điều hành của Thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước, đáp ứng yêu cầu của cải cách hành chính.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức cuộc họp

1. Bảo đảm giải quyết công việc đúng thẩm quyền và phạm vi trách nhiệm

được phân công; cấp trên không can thiệp và giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của cấp dưới và cấp dưới không đẩy công việc thuộc thẩm quyền lên cho cấp trên giải quyết.

2. Chỉ tiến hành khi thực sự cần thiết để phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của Thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước trong việc thực hiện các nhiệm vụ công tác quan trọng. Không dùng nội dung cuộc họp để thay cho việc ra các quyết định quản lý, điều hành.

3. Xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, thành phần tham dự; đề cao và thực hiện nghiêm túc chế độ trách nhiệm cá nhân trong phân công và xử lý công việc, bảo đảm tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất, thông suốt của Thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước.

4. Theo chương trình kế hoạch; thực hiện cải tiến, đơn giản hóa quy trình thủ tục tiến hành, được bố trí hợp lý; đảm bảo chất lượng, hiệu quả, thiết thực, tiết kiệm, không hình thức phô trương.

5. Thực hiện lồng ghép nhiều nội dung vấn đề, công việc cần xử lý; kết hợp các loại cuộc họp với nhau trong việc tổ chức họp một cách hợp lý; tổ chức họp phải phù hợp với tính chất, yêu cầu và nội dung của vấn đề cần giải quyết; phù hợp với tính chất và đặc điểm của từng cơ quan, đơn vị hành chính.

Điều 6. Trách nhiệm trong việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào việc đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành để giảm bớt và nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc họp

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hành chính thuộc huyện có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo nghiên cứu, triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ, trước hết là công nghệ thông tin, vào việc đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành để giảm bớt các cuộc họp; để không ngừng cải tiến nội dung, cách thức tiến hành, nâng cao chất lượng và hiệu quả các cuộc họp.

Điều 7. Các trường hợp không tổ chức các cuộc họp

1. Phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

Đối với những văn bản quy định những chủ trương, chính sách lớn, quan trọng, những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, thì khi cần thiết có thể tổ chức cuộc họp để quán triệt, tập huấn nhằm thống nhất nhận thức và hành động trong triển khai thực hiện.

2. Giải quyết những công việc thường xuyên trong tình hình có thiên tai, địch họa hoặc tình trạng khẩn cấp.

3. Những việc cụ thể đã được ủy quyền hoặc phân công, phân cấp rõ thẩm quyền và trách nhiệm cho tổ chức hoặc cá nhân giải quyết.

4. Tổ chức lấy ý kiến của lãnh đạo các cơ quan, đơn vị ở các cấp, các ngành tham gia xây dựng, hoàn thiện các đề án, dự án, trừ trường hợp những đề án, dự án lớn, quan trọng liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của nhiều cơ quan, đơn vị.

5. Cấp trên triệu tập cấp dưới lên để trực tiếp phân công, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ công tác hoặc để nghe báo cáo tình hình thay cho việc thực hiện chế độ đi công tác địa phương, cơ sở trực tiếp để kiểm tra, giám sát theo quy định.

6. Trao đổi thông tin hoặc giao lưu học tập kinh nghiệm giữa các cơ quan, đơn vị.

7. Giải quyết các công việc chuẩn bị cho việc tổ chức một cuộc họp nào đó, trừ trường hợp những cuộc họp lớn, quan trọng.

8. Những việc đã được pháp luật quy định giải quyết bằng các cách thức khác không cần thiết phải thông qua cuộc họp.

Điều 8. Phối hợp giữa cơ quan hành chính Nhà nước với các cơ quan, tổ chức khác của hệ thống chính trị trong việc tổ chức các cuộc họp

Các cơ quan, đơn vị hành chính thuộc huyện phải thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn khác, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các cuộc họp có liên quan một cách khoa học, hợp lý và hiệu quả.

Chương II QUY TRÌNH TỔ CHỨC CUỘC HỌP

Điều 9. Xây dựng kế hoạch tổ chức các cuộc họp

1. Căn cứ vào chương trình công tác hàng năm, hàng tháng của cơ quan mình và yêu cầu giải quyết công việc, Thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước chỉ đạo xây dựng và quyết định kế hoạch tổ chức các cuộc họp lớn, quan trọng trong năm và hàng tháng; phân công trách nhiệm cơ quan, đơn vị chuẩn bị nội dung, địa điểm và các vấn đề khác liên quan đến việc tổ chức các cuộc họp đó.

Kế hoạch tổ chức các cuộc họp trong năm và hàng tháng phải được thông báo

trước cho các cá nhân, tổ chức được triệu tập hoặc được mời tham dự.

2. Các cuộc họp bất thường chỉ được tổ chức để giải quyết những công việc đột xuất, khẩn cấp.

Điều 10. Chuẩn bị nội dung các cuộc họp

1. Nội dung các cuộc họp phải được cơ quan, đơn vị được phân công chuẩn bị kỹ, đầy đủ, chu đáo, đúng yêu cầu và thời gian.

2. Những vấn đề liên quan đến nội dung cuộc họp và những nội dung, yêu cầu cần trao đổi, tham khảo ý kiến tại cuộc họp phải chuẩn bị đầy đủ trước thành văn bản.

Đối với những tài liệu dài, có nhiều nội dung thì ngoài văn bản chính còn phải chuẩn bị thêm bản tóm tắt nội dung.

Điều 11. Giấy mời họp

1. Giấy mời họp phải được ghi rõ những nội dung sau đây:

- a) Người triệu tập và chủ trì;
- b) Thành phần tham dự;
- c) Người được triệu tập; người được mời tham dự;
- d) Nội dung cuộc họp; thời gian; địa điểm họp;
- e) Những yêu cầu đối với người được triệu tập hoặc được mời tham dự.

2. Giấy mời họp phải được gửi trước ngày họp ít nhất là 3 ngày làm việc, kèm theo là tài liệu, văn bản, nội dung, yêu cầu và những gợi ý liên quan đến nội dung cuộc họp, trừ trường hợp các cuộc họp đột xuất hoặc chương trình công tác thay thư mời.

Điều 12. Thành phần và số lượng người tham dự cuộc họp

1. Tùy theo tính chất, nội dung, mục đích, yêu cầu của cuộc họp, người quyết định triệu tập cuộc họp phải cân nhắc kỹ và quyết định thành phần, số lượng người tham dự cuộc họp cho phù hợp, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được mời họp phải cử người tham dự cuộc họp đúng thành phần, có đủ thẩm quyền, năng lực, trình độ đáp ứng nội dung và yêu cầu của cuộc họp.

3. Trường hợp người được triệu tập hoặc được mời là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị không thể tham dự cuộc họp, thì có thể ủy quyền cho cấp dưới có đủ khả năng đáp ứng nội dung và yêu cầu của cuộc họp đi họp thay.

Điều 13. Trách nhiệm của người chủ trì cuộc họp

1. Quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung chương trình, thời gian và lịch trình của cuộc họp.
2. Xác định thời gian tối đa mỗi người tham dự cuộc họp được trình bày ý kiến của mình một cách hợp lý.
3. Điều khiển cuộc họp đúng theo mục đích, yêu cầu đặt ra.
4. Có ý kiến kết luận cuộc họp, trước khi kết thúc cuộc họp.
5. Giao trách nhiệm cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ra văn bản thông báo kết quả cuộc họp đến những cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 14. Thời gian và những yêu cầu khi tiến hành cuộc họp

1. Thời gian họp:
 - a) Họp giao ban không quá 01 buổi;
 - b) Họp làm việc, họp chuyên môn không quá 01 buổi;
 - c) Họp tổng kết công tác năm không quá 01 ngày;
 - d) Họp tập huấn, triển khai nhiệm vụ công tác từ 01 đến 02 ngày tùy tính chất và nội dung vấn đề.
2. Những yêu cầu khi tiến hành cuộc họp:
 - a) Mỗi cuộc họp có thể kết hợp giải quyết nhiều nội dung, sử dụng nhiều hình thức, cách thức tiến hành.
 - b) Người chủ trì hay người được phân công chỉ trình bày tóm tắt ngắn gọn tư tưởng, nội dung cốt lõi của vấn đề, không đọc toàn văn tài liệu, văn bản của cuộc họp.
 - c) Việc phát biểu, trao đổi tại cuộc họp phải tập trung chủ yếu vào những vấn đề đang còn những ý kiến khác nhau để đề xuất biện pháp xử lý.
 - d) Ý kiến kết luận của người chủ trì cuộc họp phải rõ ràng và cụ thể, thể hiện được đầy đủ tính chất, nội dung và yêu cầu của cuộc họp.

Điều 15. Trách nhiệm của người tham dự cuộc họp

1. Nghiên cứu kỹ tài liệu, văn bản của cuộc họp nhận được trước khi đến tham dự cuộc họp.
2. Chuẩn bị trước ý kiến phát biểu tại cuộc họp.
3. Phải đi dự họp đúng thành phần, đến họp đúng giờ và tham dự đến hết thời

gian của cuộc họp. Chỉ trong trường hợp vì những lý do đột xuất và được sự đồng ý của người chủ trì thì người tham dự có thể rời cuộc họp trước khi cuộc họp kết thúc

4. Trong khi dự họp, không được làm việc riêng hoặc xử lý công việc không có liên quan đến nội dung cuộc họp, không gọi hoặc nghe điện thoại trong phòng họp.

5. Trình bày ý kiến tham gia hoặc tranh luận tại cuộc họp phải ngắn gọn, đi thẳng vào nội dung vấn đề và không vượt quá thời gian mà người chủ trì cuộc họp cho phép.

6. Trong trường hợp được cử đi họp thay, thì phải báo cáo kết quả cuộc họp cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đã cử mình đi họp.

Chương III

CÁC CUỘC HỌP CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Điều 16. Các loại cuộc họp của Ủy ban nhân dân huyện

1. Họp giao ban.
2. Họp tham mưu, tư vấn.
3. Họp làm việc.
4. Họp chuyên môn.
5. Họp (hội nghị) tập huấn, triển khai.
6. Họp (hội nghị) tổng kết hàng năm.
6. Họp (hội nghị) sơ kết, tổng kết chuyên đề.

Điều 17. Việc tổ chức cuộc họp để giải quyết những vấn đề quan trọng liên ngành vượt quá thẩm quyền của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện

Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện có thể đề nghị tổ chức cuộc họp làm việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện để điều phối giải quyết những vấn đề quan trọng liên ngành vượt quá thẩm quyền của cơ quan chuyên môn.

Điều 18. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện trong việc tổ chức cuộc họp của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân

1. Xây dựng kế hoạch tổ chức các cuộc họp hàng năm, hàng quý, hàng tháng, hàng tuần của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

2. Thẩm tra về sự cần thiết và nội dung cuộc họp làm việc nói tại Điều 17 của Quy định này.

3. Bố trí, sắp xếp các cuộc họp một cách hợp lý, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân quyết định.

4. Gửi giấy mời họp đến các cơ quan và cá nhân đúng thành phần theo chỉ đạo của lãnh đạo Ủy ban nhân dân quyết định.

5. Đôn đốc cơ quan chuyên môn được phân công chuẩn bị đầy đủ, đúng yêu cầu quy định các tài liệu, văn bản thuộc nội dung của cuộc họp và gửi trước ngày họp ít nhất 3 ngày làm việc.

6. Thẩm tra các đề án, dự án hoặc vấn đề, công việc thuộc nội dung cuộc họp; tóm tắt các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, xác định những vấn đề còn có ý kiến khác nhau và đề xuất hướng xử lý.

7. Tham dự hoặc cử cấp dưới tham dự cuộc họp.

8. Tổ chức ghi biên bản, ghi âm nội dung cuộc họp.

9. Thông báo bằng văn bản ý kiến kết luận, chỉ đạo của người chủ trì cuộc họp.

10. Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan thực hiện ý kiến kết luận, chỉ đạo tại cuộc họp.

Điều 19. Biên bản cuộc họp và thông báo kết quả cuộc họp

1. Nội dung diễn biến cuộc họp phải được ghi thành biên bản. Trong trường hợp cần thiết, thì tổ chức ghi âm, ghi hình.

2. Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc cuộc họp, cơ quan đơn vị được giao trách nhiệm phải ra thông báo bằng văn bản kết quả cuộc họp gửi cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện. Văn bản thông báo kết quả cuộc họp không thay thế cho việc ban hành văn bản để giải quyết các vấn đề có liên quan được quyết định tại cuộc họp.

Điều 20. Không chỉ đạo việc tổ chức hội nghị tập huấn, triển khai nhiệm vụ công tác

1. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện không chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tổ chức hội nghị tập huấn, triển khai nhiệm vụ công tác thuộc phạm vi và trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

2. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện không tổ chức cuộc họp giao ban thường kỳ với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

Điều 21. Việc tổ chức họp sơ kết, tổng kết của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện

Việc tổ chức cuộc họp tổng kết công tác hàng năm của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện có mời lãnh đạo cơ quan chuyên môn cấp trên, lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện và lãnh đạo, cán bộ, công chức chuyên môn của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tham dự, thì phải xin ý kiến và được sự đồng ý trước của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện mới được tổ chức họp sơ kết, tổng kết.

Điều 22. Việc tổ chức cuộc họp tập huấn, triển khai do Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện triệu tập

Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện triệu tập cuộc họp tập huấn, triển khai có mời Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác cùng cấp tham dự thì phải được đồng ý trước của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Chương IV CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 23. Xây dựng chương trình công tác khoa học, hợp lý để giảm bớt việc tổ chức các cuộc họp

1. Trên cơ sở chức năng, thẩm quyền theo quy định, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc huyện có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng chương trình công tác hàng năm, hàng quý và hàng tháng của cơ quan mình bảo đảm khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu quản lý, điều hành và khả năng, năng lực trình độ thực tế của bộ máy giúp việc.

2. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc quản lý, thực hiện chương trình công tác. Chỉ trong trường hợp thật cần thiết thì mới điều chỉnh chương trình công tác.

Điều 24. Cấm kết hợp tổ chức cuộc họp với việc tham quan nghỉ mát

1. Nghiêm cấm việc kết hợp tổ chức cuộc họp với tham quan, nghỉ mát hoặc dùng hình thức họp để tổ chức vui chơi, giải trí cho cán bộ, công chức.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị hành chính Nhà nước, người được phân công phụ trách đứng ra tổ chức triệu tập cuộc họp phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc để xảy ra tình trạng nói tại khoản 1 Điều này.

Điều 25. Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, giải quyết công việc tại chỗ của thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước đối với cấp dưới để giảm bớt các cuộc họp xử lý các vụ việc phát sinh

1. Thủ trưởng các cơ quan hành chính Nhà nước không được sử dụng hình thức cuộc họp để nghe báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác của cơ sở thay thế cho việc kiểm tra trực tiếp đối với các cơ quan, đơn vị cấp cơ sở.

2. Thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước phải dành thời gian thích đáng và có chương trình kế hoạch cụ thể để thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên hoạt động của các cơ quan, đơn vị cấp dưới trong việc thực hiện các quy định của pháp luật, các văn bản của cấp trên, trực tiếp chỉ đạo xử lý tại chỗ những công việc phát sinh có liên quan thuộc thẩm quyền.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Trách nhiệm quản lý chế độ họp

1. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định này về tổ chức họp trong hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện; Theo dõi việc chấp hành chế độ họp của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc huyện có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định này về tổ chức họp trong hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện và của cơ quan, đơn vị mình. Mọi vi phạm của cá nhân, tổ chức tùy mức độ nặng, nhẹ sẽ bị xử lý theo quy định.

Điều 27. Hiệu lực thi hành.

1. Quy định này có hiệu lực thi hành theo hiệu lực của Quyết định ban hành.

2. Các quy định trước đây về hội họp của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh trái với Quy định này đều bị bãi bỏ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tường

HUYỆN CẦN GIỜ**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2006/NQ-HĐND

Cần Giờ, ngày 31 tháng 10 năm 2006

NGHỊ QUYẾT**Về nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan Tư pháp****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ
KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 9**

Căn cứ Điều 24 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét Báo cáo số 60/BC-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2006 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân huyện và sau khi thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo số 60/BC-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2006 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân huyện về kết quả khảo sát tổng hợp tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân và cơ quan thi hành án dân sự huyện, nhằm triển khai thực hiện Kế hoạch số 12-KH/HU ngày 24 tháng 7 năm 2006 của Ban thường vụ Huyện ủy, Kế hoạch số 03-KH/TU ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Ban thường vụ Thành ủy, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách Tư pháp đến năm 2020.

Hội đồng nhân dân huyện đánh giá cao sự nỗ lực của các cơ quan Tư pháp trong thời gian qua, tuy còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, đội ngũ cán bộ thiếu và trình độ chuyên môn vẫn chưa đáp ứng so với yêu cầu, nhưng trong 5 năm qua (2001 - 2005) các cơ quan đã tiến hành điều tra, khởi tố, xét xử đạt kết quả tốt góp phần thực hiện có hiệu quả trong công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Điều 2. Nhằm nâng cao hiệu lực, chất lượng hoạt động và tuân thủ pháp luật của các cơ quan Tư pháp, Hội đồng nhân dân huyện thống nhất một số giải pháp như sau:

- Có kế hoạch quy hoạch và đào tạo cán bộ Tư pháp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và trình độ chính trị. Phân đầu đến năm 2010 đủ số lượng cán bộ được bổ nhiệm chức danh Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Chấp hành viên.

- Đảm bảo 50% cán bộ có chức danh tư pháp đạt trình độ B ngoại ngữ, trình độ B vi tính, 80% cán bộ công chức có trình độ chuyên môn đại học (hiện nay là 42,9%), 50% cán bộ công chức có trình độ cử nhân, cao cấp chính trị (hiện nay là 11,11%).

- Quy hoạch, đầu tư xây dựng mới trụ sở Công an huyện (trong đó có cơ quan điều tra, nhà tạm giữ). Đầu tư đồng bộ trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các cơ quan Tư pháp theo quy định.

- Chú trọng tăng cường trình độ pháp lý của Hội thẩm nhân dân và điều kiện hoạt động của Đoàn Hội thẩm để nâng cao chất lượng xét xử.

- Đẩy mạnh việc tổ chức giám sát, khảo sát, chất vấn, trả lời chất vấn đối với hoạt động của các cơ quan Tư pháp của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban và Đại biểu Hội đồng nhân dân. Động viên nhân dân tham gia giám sát, góp ý xây dựng các cơ quan Tư pháp.

- Tăng cường kiểm tra hoạt động của các cơ quan Tư pháp, trong đó, chú trọng kiểm tra giám sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp, việc phòng chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, phong cách, đạo đức lối sống. Xây dựng đội ngũ cán bộ Tư pháp trong sạch, vững mạnh. Nâng cao chất lượng điều tra, đảm bảo truy tố, xét xử đúng thẩm quyền, đúng người, đúng tội, không để oan, sai.

- Tăng cường hoạt động tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật trên địa bàn.

- Tạo điều kiện chăm lo ổn định đời sống cán bộ công chức của các cơ quan Tư pháp còn nhiều khó khăn.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo triển khai thực hiện và kiến nghị những nội dung thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Pháp chế và các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này, báo cáo kết quả cho Hội đồng nhân dân tại các kỳ họp định kỳ cuối năm.

Nghị quyết này đã được thông qua tại kỳ họp lần thứ 9 (bất thường) khóa IX, phiên họp ngày 27 tháng 10 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Dung

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/2006/NQ-HĐND

Cần Giờ, ngày 31 tháng 10 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

Về thông qua kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2006 - 2010

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ khoản 6 Điều 25 Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2006/NQ-HĐND ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Hội đồng nhân dân huyện Cần Giờ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và định hướng sử dụng đất đến năm 2020;

Xét Tờ trình số 1002/TTr-UBND, ngày 25 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện về kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2006 - 2010;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2006 - 2010 do Ủy ban nhân dân huyện báo cáo tại Tờ trình số 1002/TTr-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2006.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện hoàn chỉnh hồ sơ đảm bảo diện tích sử dụng đất bằng hoặc cao hơn chuẩn quốc gia của các công trình về y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục - thể thao trên cơ sở dự báo dân số đến năm 2010. Thống nhất bổ sung danh mục chợ Cần Thạnh, Bình Khánh, Trường chuyên biệt Bình Khánh vào kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2006 - 2010 trình Ủy ban nhân dân thành phố xét duyệt theo quy định.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện kế

hoạch sử dụng đất của huyện và các xã, thị trấn.

Nghị quyết này đã được thông qua tại kỳ họp lần thứ 9 (bất thường) khóa IX, phiên họp ngày 27 tháng 10 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Dung

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng